

VN-Index **1813.14 (-1.79%)**
1417 Tr. cổ phiếu 43991.6 Tỷ VND (-7.54%)

HNX-Index **260.01 (0.39%)**
117 Tr. cổ phiếu 2946.6 Tỷ VND (-12.11%)

UPCOM-Index **129.06 (0.27%)**
87 Tr. cổ phiếu 1688.7 Tỷ VND (-17.90%)

VN30F1M **1952.00 (-3.13%)**
320,467 HD OI: 33,009 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1813.1, giảm -33.0 điểm (-1.79%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giữ được sắc xanh.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Những nhóm ngành hưởng lợi từ diễn biến căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran tiếp tục phân hóa và hút tiền với giao dịch tích cực, trong khi phần lớn các nhóm ngành khác chịu áp lực bán chi phối. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: PVD (+6.9%), BSR (+6.9%), PLX (+7.0%) | Hóa chất: GVR (+6.9%), BFC (+6.9%), DCM (+7.0%) | Tiện ích: POW (+6.8%), GAS (+6.9%) | Dịch vụ tài chính: SSI (+2.4%), HCM (+2.4%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: VIC (-7.0%), VHM (-7.0%), VRE (-5.2%) | Ngân hàng: BID (-3.6%), TCB (-3.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.2%), VTP (-2.0%) | Xây dựng và Vật liệu: VGC (-4.1%), CTR (-3.8%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, MCH, GVR, BSR, PLX - Chiều giảm | VIC, VHM, BID, VCB, VPL
Khối ngoại Bán ròng gần 780 tỷ, tập trung nhiều ở HPG, VHM, VNM, trong khi mua ròng VPB, SSI, DCM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với nền giảm Marubozu, nối dài áp lực điều chỉnh. Thanh khoản dù giảm nhưng vẫn trên mức bình 20 phiên hàm ý cung bán chủ động. Dòng tiền phân hóa mạnh theo diễn biến căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Iran, song, xu hướng tăng ngắn hạn ở nhóm này có thể dễ đảo chiều nếu cục diện thay đổi. Trong khi đó, thị trường đang thiếu đi điểm tựa rõ ràng, khi nhóm trụ lớn mất đà. Các chỉ báo kỹ thuật cũng phát tín hiệu suy yếu. Trước tình hình chiến sự còn phức tạp, VN-Index khả năng hạ nhiệt và kiểm định lại mốc tâm lý 1800 điểm, trong khi mức hỗ trợ thấp hơn quanh vùng 1750 điểm. Kháng cự ở chiều hồi phục hiện là ngưỡng 1850 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với nền Doji giằng co. Dù giữ được sắc xanh nhưng các chỉ báo kỹ thuật bắt đầu suy yếu. Nếu lực cầu yếu thế hơn, rủi ro điều chỉnh kiểm định ngưỡng hỗ trợ 255 sẽ gia tăng.
- **Chiến lược:** Dòng tiền phân hóa mạnh nên NĐT cần quản trị theo từng cổ phiếu. Tỷ trọng danh mục hạ về mức trung bình nếu tỷ lệ margin còn cao. Đối với các mã đạt kỳ vọng, NĐT có thể chốt lời một phần. Trường hợp xuất hiện cổ phiếu vi phạm nên giảm bớt vị thế, tránh mua bình quân. Trong khi đó, các cổ phiếu điều chỉnh nhưng vẫn giữ được nền giá hoặc hỗ trợ mạnh có thể tiếp tục nắm giữ. Các nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Hóa chất, Vận tải - Cảng, Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời HAH, SSI – Bán HUT (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,813.1 ▼	-1.79%	-2.9%	0.0%	43,991.6 ▼	-7.5%	34.7%	32.2%	1,416.7 ▼	-14.6%	40.6%	43.5%
HNX-Index	260.0 ➡	0.39%	-1.0%	-1.9%	2,946.6 ▼	-12.1%	65.0%	22.8%	117.1 ▼	-15.3%	50.0%	29.3%
UPCOM-Index	129.1 ➡	0.27%	0.8%	0.3%	1,688.7 ▼	-17.9%	99.8%	8.3%	87.1 ▼	-4.9%	136.5%	46.8%
VN30	1,959.4 ▼	-2.6%	-4.5%	-1.9%	24,550.9 ▼	-1.0%	28.6%	34.8%	573.6 ▼	-11.2%	18.9%	30.6%
VNMID	2,273.4 ▼	0.0%	-1.3%	0.7%	15,243.9 ▼	-12.0%	46.0%	22.1%	566.0 ▼	-16.2%	44.5%	38.4%
VNSML	1,504.0 ➡	0.26%	-0.9%	-0.3%	2,816.9 ▼	-14.6%	61.8%	34.2%	130.9 ▼	-22.3%	37.1%	6.7%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	646.0 ▼	-1.9%	-3.46%	-5.1%	9,152.7 ▼	-25.75%	8.7%	63.0%	329.4 ▼	-29.5%	5.2%	56.4%
Bất động sản	734.1 ▼	-5.9%	-1.0%	15.1%	5,797.9 ▲	10.4%	49.6%	119.4%	157.5 ▼	-20.9%	13.3%	80.8%
Dịch vụ tài chính	340.5 ➡	0.5%	0.4%	6.4%	5,587.8 ▼	-19.7%	23.9%	144.2%	201.4 ▼	-19.9%	21.3%	130.1%
Công nghiệp	282.4 ▼	-1.0%	2.4%	10.0%	3,141.9 ▼	-11.2%	37.1%	173.8%	85.5 ▲	6.9%	49.9%	175.9%
Tài nguyên cơ bản	545.8 ▼	-2.6%	3.0%	6.4%	2,244.7 ▼	-23.9%	-20.3%	72.0%	87.5 ▼	-23.4%	-18.0%	72.6%
Xây dựng - Vật Liệu	185.5 ▼	-1.7%	0.1%	6.7%	1,883.7 ▼	-21.7%	3.1%	109.0%	79.0 ▼	-23.8%	7.7%	108.8%
Thực phẩm	524.6 ➡	0.1%	-11.7%	-24.5%	2,962.5 ▲	3.0%	-5.5%	93.4%	57.1 ▼	-14.2%	-6.7%	77.8%
Bán Lẻ	1,638.3 ▼	-2.1%	-1.9%	-3.2%	1,805.1 ▼	-3.6%	51.9%	105.2%	25.1 ▼	-0.5%	55.8%	114.8%
Công nghệ	466.8 ▼	-2.8%	-5.2%	-13.5%	1,668.7 ▼	-6.5%	-33.8%	45.8%	21.1 ▼	-21.9%	-31.5%	54.6%
Hóa chất	235.6 ▲	5.32%	10.7%	7.7%	2,545.3 ▼	-8.6%	35.8%	199.1%	62.2 ▼	-6.1%	34.8%	185.4%
Tiện ích	1,006.7 ▲	4.7%	6.3%	3.3%	2,285.9 ▲	20.7%	134.0%	331.7%	89.5 ▼	-0.4%	140.7%	356.5%
Dầu khí	154.3 ▲	6.91%	21.0%	25.0%	3,712.0 ▲	192.8%	150.9%	323.3%	87.2 ▲	227.9%	122.4%	240.2%
Dược phẩm	449.1 ➡	0.2%	-1.2%	-0.8%	41.7 ▲	21.3%	-8.1%	21.5%	1.8 ▼	-1.5%	26.8%	85.7%
Bảo hiểm	124.7 ▼	-0.5%	0.1%	7.9%	69.2 ▼	-28.1%	-24.5%	-6.7%	1.6 ▼	-31.5%	-13.8%	2.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,813.1 ▼	-1.79%	1.6%	16.6x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,467 ▬	0.00%	16.4%	16.4x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,940 ▼	-0.96%	-8.2%	20.0x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,552 ▬	0.57%	2.0%	15.7x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,445 ▬	0.29%	6.5%	10.8x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,123 ▼	-1.43%	3.9%	20.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,768 ▼	-1.12%	0.5%	13.2x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	56,279 ▼	-3.06%	11.8%	22.9x	2.8x
S&P 500	Mỹ	6,882 ▬	0.04%	0.5%	26.9x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	48,905 ▼	-0.15%	1.8%	24.4x	5.6x
FTSE 100	Anh	10,503 ▼	-2.57%	5.8%	16.5x	2.5x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,781 ▼	-3.43%	-0.2%	17.5x	2.5x
DXY		99.3 ▲	1.78%	1.0%		
USDVND		26,183 ▬	0.05%	-0.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

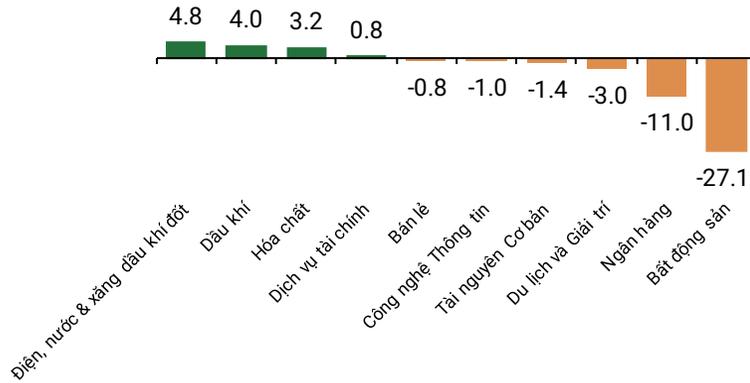
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	8.5%	25.3%	38.6%	17.8%
Dầu WTI	▲	7.9%	21.6%	33.9%	12.4%
Khí gas	▲	6.1%	-5.1%	-14.8%	-23.8%
Than cốc (*)	▬	0.0%	0.0%	0.0%	5.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-0.9%	-0.9%	-5.4%
PVC (*)	▼	-2.0%	-3.4%	3.0%	-5.6%
Phân Urea (*)	▲	7.7%	12.4%	28.2%	29.0%
Cao su thiên nhiên	▼	-3.0%	6.3%	10.5%	-3.0%
Bông Cotton	▼	-1.6%	0.4%	-2.6%	-2.4%
Đường	▼	-1.0%	-3.2%	-5.7%	-22.3%
World Container Index	▼	-1.1%	-9.9%	-14.2%	-27.8%
Baltic Dirty tanker Index	▲	16.6%	38.9%	76.0%	163.6%
Vàng	▼	-1.7%	4.9%	20.1%	79.4%
Bạc	▼	-13.7%	-5.0%	12.9%	155.5%

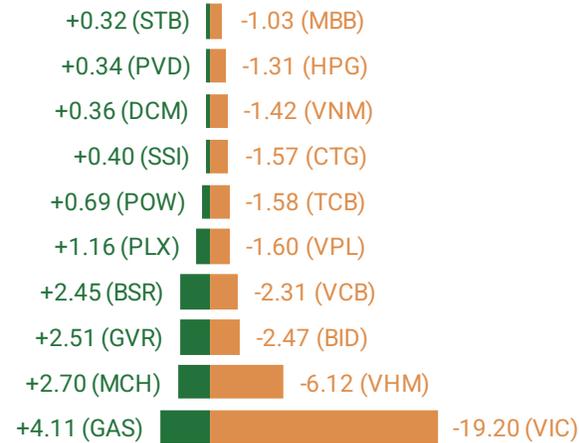
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

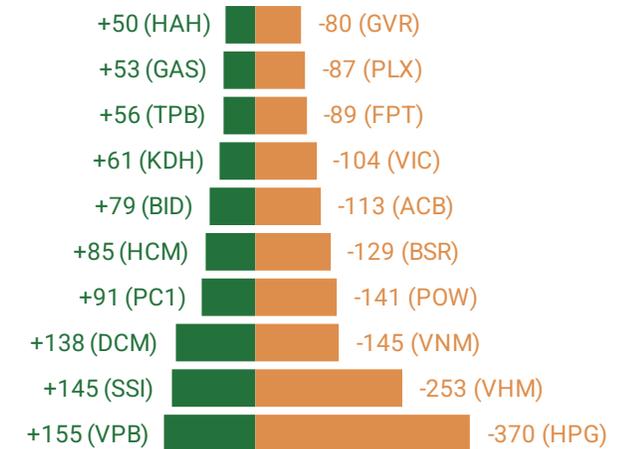
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



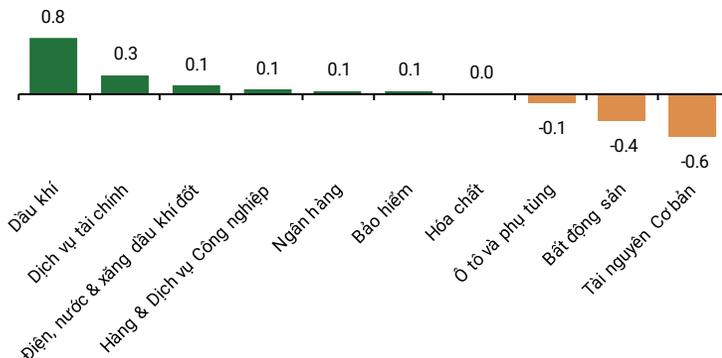
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



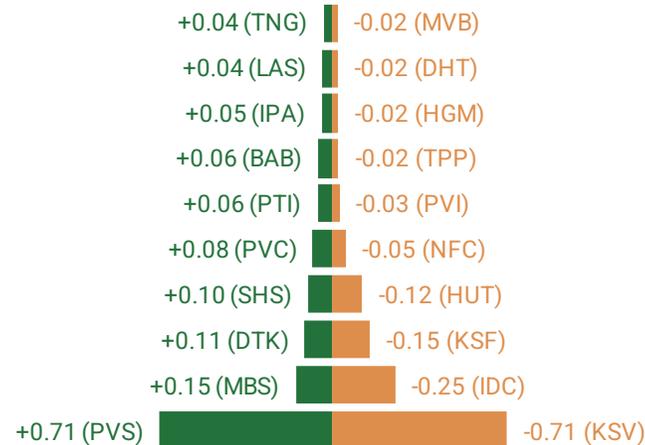
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



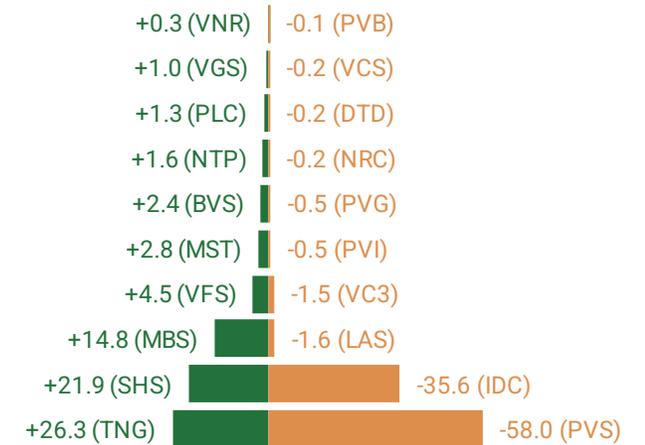
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



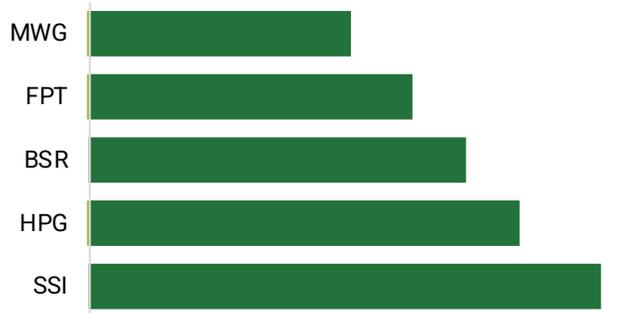
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

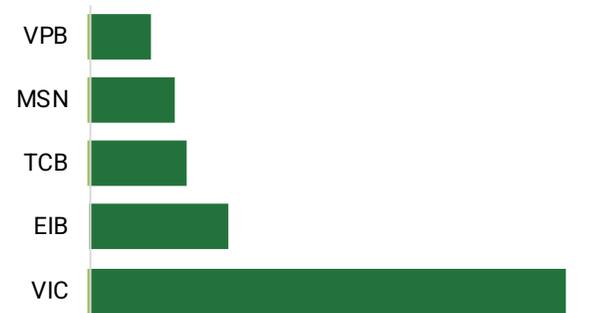


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SSI	HPG	BSR	FPT	MWG
%DoD	2.4%	-2.8%	6.9%	-2.9%	-2.0%
Giá trị	2,325	1,950	1,715	1,468	1,186

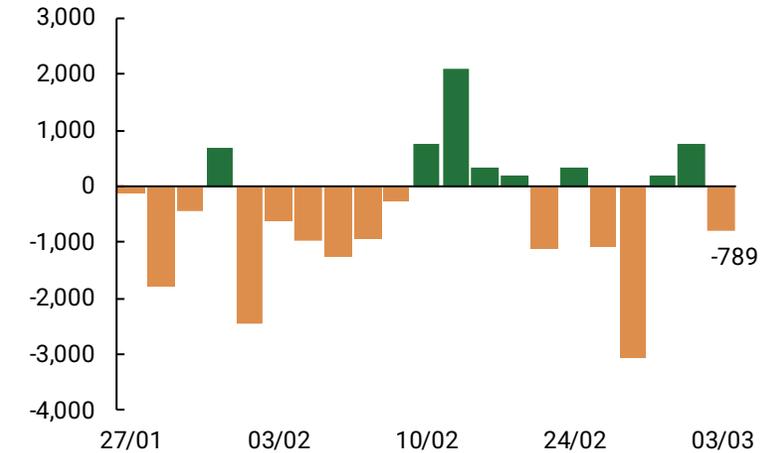
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	EIB	TCB	MSN	VPB
%DoD	-7.0%	0.4%	-3.0%	-1.8%	-2.1%
Giá trị	1,322	386	268	237	169

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



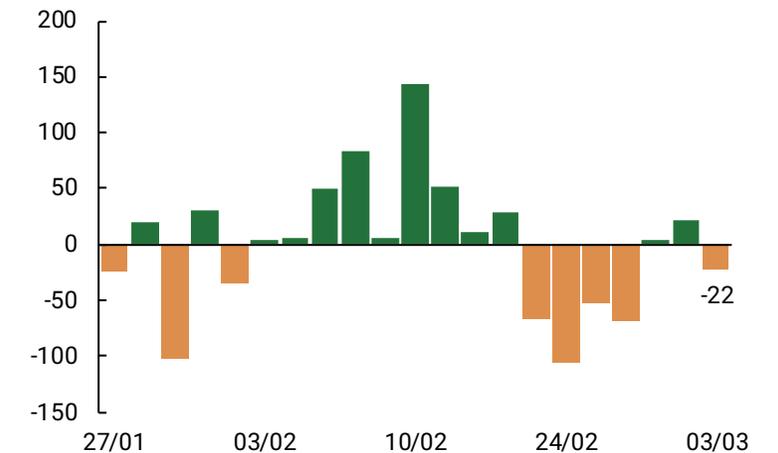
	PVS	SHS	PVC	IDC	MBS
%DoD	4.8%	1.1%	9.6%	-2.4%	1.5%
Giá trị	1,047	247	246	214	207

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	DNP	PVS	DTK	AAV
%DoD	-1.3%	0.0%	4.8%	2.6%	1.6%
Giá trị	56	16	1	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định mốc tâm lý 1800 điểm.

Kịch bản: Đà giảm tiếp tục chi phối, thanh khoản hạ nhiệt nhưng vẫn trên mức bình quân 20 phiên hàm ý cung bán chủ động. Chỉ báo RSI cũng giảm về dưới ngưỡng trung bình 50 cho thấy động lực tăng suy yếu. Chỉ số khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 1800 điểm, trong khi hỗ trợ thấp hơn nếu mốc này bị phá vỡ là ngưỡng 1750 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Marubozu, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1930 - 1950.
- ✓ Kháng cự: 2000 - 2020.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Lực cung tiếp tục chiếm ưu thế. Nhóm vốn hóa lớn đang chịu sức ép lớn khi dòng tiền phân hóa vào các cổ phiếu đơn lẻ hưởng lợi từ căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran. Khu vực 1930 - 1950 hiện cũng là vùng hỗ trợ mạnh, nơi cung - cầu có thể tiếp tục giằng co. Trong khi kháng cự ở chiều hồi phục giờ là ngưỡng tâm lý 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	HAH	TAKE PROFIT	Current price	71.0		P/E (x)	9.8
Exchange	HOSE		Action price	61.5 - 62		P/B (x)	2.7
Sector	Transportation Services		Take profit price (3/3)	71 - 73	17.0%	EPS	7223.2
						ROE	31.0%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chạm mục tiêu
 - Chỉ báo RSI tiếp cận mức quá mua cao trên 80.
 - Thanh khoản tăng nhưng giá chưa thể đóng cửa ở mức cao nhất hàm ý cung bán trở lại chi phối trên vùng cao.
 - Rủi ro thị trường: Căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran diễn biến phức tạp.
- ➔ Xu hướng có thể còn tăng rớt nhưng sẽ dễ đảo chiều nhanh.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, nên tận dụng nhịp tăng rớt.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	SSI	TAKE PROFIT	Current price	32.6		P/E (x)	16.1
Exchange	HOSE		Action price	31.2 - 31.6		P/B (x)	2.5
Sector	Investment Services		Take profit price (3/3)	32.6 - 33.2	5.1%	EPS	2029.0
						ROE	14.0%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chạm cản 33 nhưng chưa thể vượt qua.
 - Thanh khoản tăng nhưng giá chưa thể đóng cửa ở mức cao nhất hàm ý cung bán trở lại chi phối trên vùng cao.
 - Rủi ro thị trường: Căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran diễn biến phức tạp.
- ➔ Xu hướng khả năng hạ nhiệt.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời, nên tận dụng nhịp tăng rớt.

STOCK		STRATEGY	Technical				Financial Ratio	
Ticker	HUT	SELL	Current price	15.80		P/E (x)	36.4	
Exchange	HNX		Action price	16.3 - 16.6		P/B (x)	1.6	
Sector	Automobiles		Selling price (3/3)	15.8 - 16	-4.0%	EPS	434.5	
						ROE	4.3%	
						Stock Rating	BB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá lùi về dưới ngưỡng MA20 ngày.
- Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI giảm dưới ngưỡng trung bình hàm ý động lượng tăng suy yếu.
- Rủi có cao hơn nếu giá lùi về dưới ngưỡng 15.4.
- Rủi ro thị trường: Căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran diễn biến phức tạp.

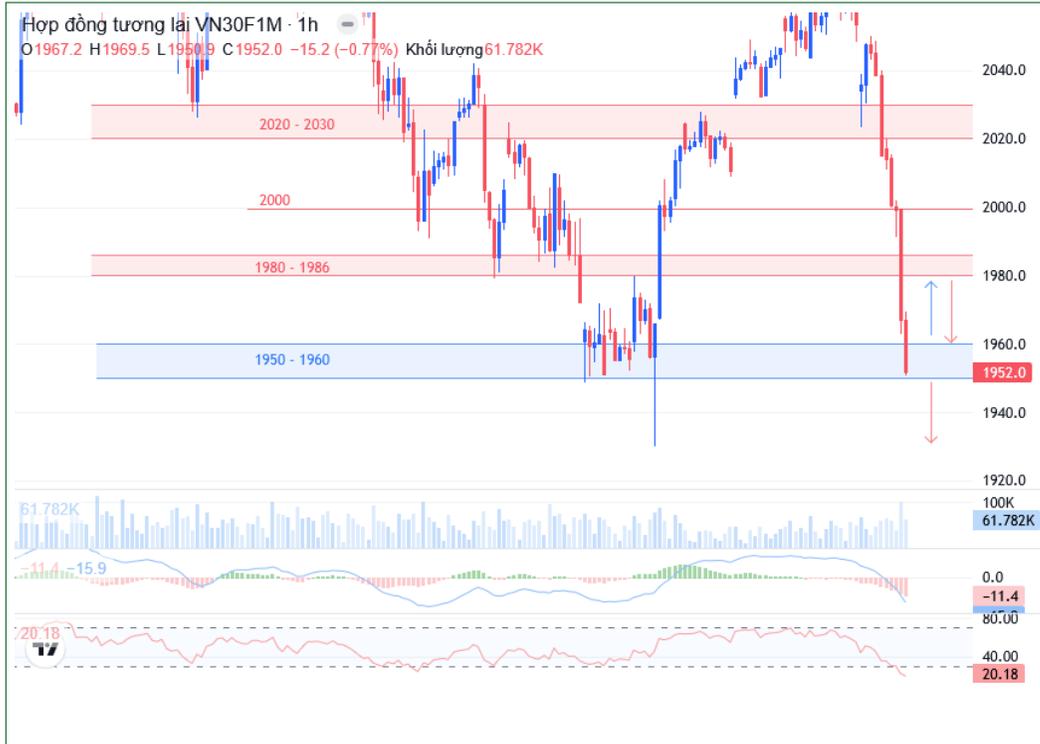
- ➔ Xu hướng tăng suy yếu.
- ➔ Khuyến nghị Bán, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HAH	Chốt lời	02/03/2026	71.00	71 - 73	17.0%	70.0	13.4%	57.5	-6.9%	
2	SSI	Chốt lời	04/03/2026	32.6	32.6 - 33.2	5.1%	35.0	11.5%	29.4	-6.4%	
3	HUT	Bán	04/03/2026	15.8	15.8 - 16	-4.0%	18.5	12.5%	15.4	-6.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	77.00	79.4 - 79.9	-3.3%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	DDV	Nắm giữ	24/02/2026	02/03/2026	33.70	29.2 - 29.6	14.6%	36.0	22.4%	30.0	2.0%	
3	TPB	Mua	02/03/2026	-	17.60	17.9 - 18.1	-2.2%	20.0	11.1%	17	-5.6%	
4	DRI	Mua	02/03/2026	-	15.96	13.2 - 13.7	18.6%	16.0	19.0%	12.4	-7.8%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1952, giảm 63 điểm (-3.1%). Thanh khoản tăng và trên mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đang tiếp cận mức quá bán cao có thể thúc đẩy nhịp hồi. Bên cạnh đó khu vực 1950 cũng đang là vùng hỗ trợ mạnh. Tuy nhiên, xu hướng giảm vẫn lớn, nên phản ứng bật tăng cần chờ tín hiệu xác nhận. Vị thế Long cần nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1962. Vị thế Short nên chờ vùng cao, khi giá phục hồi và suy yếu dưới ngưỡng 1980, hoặc có thể cân nhắc nếu giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 1948.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1858.1, giảm 42 điểm (-2.2%). Độ lệch basis -6.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 166 HĐ. Hỗ trợ gần hiện cũng quanh khu vực 1840 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1880 điểm.

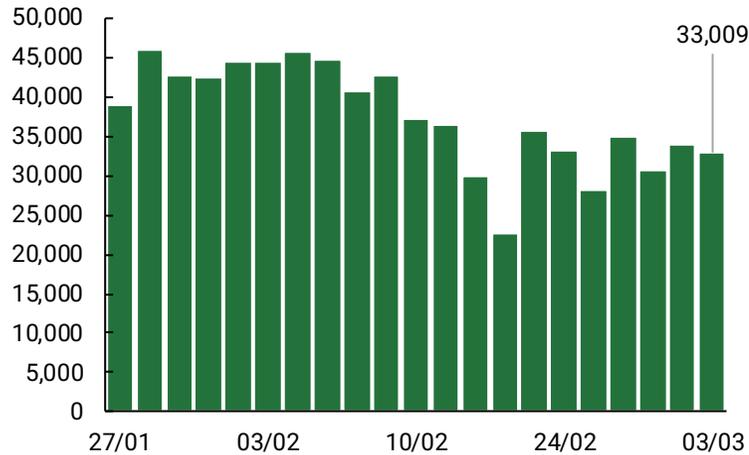
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 1948	1934	1956	14 : 08
Short	< 1980	1966	1988	14 : 08
Long	> 1962	1976	1954	14 : 08

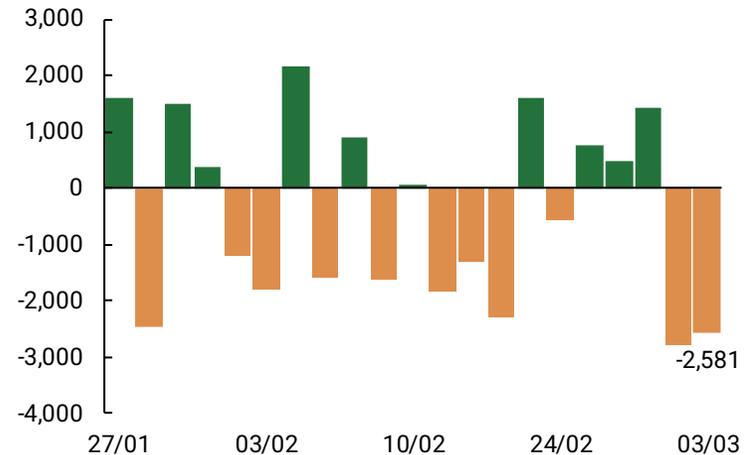
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,955.0	-61.8	127	244	1,970.0	-15.0	17/09/2026	198
4111G6000	1,951.0	-67.1	191	385	1,965.1	-14.1	18/06/2026	107
4111G4000	1,951.3	-64.1	1,047	1,116	1,961.7	-10.4	16/04/2026	44
4111G3000	1,952.0	-63.0	320,467	33,009	1,960.2	-8.2	19/03/2026	16
4112G3000	1,858.1	-42.0	166	54	1,865.6	-7.5	19/03/2026	16

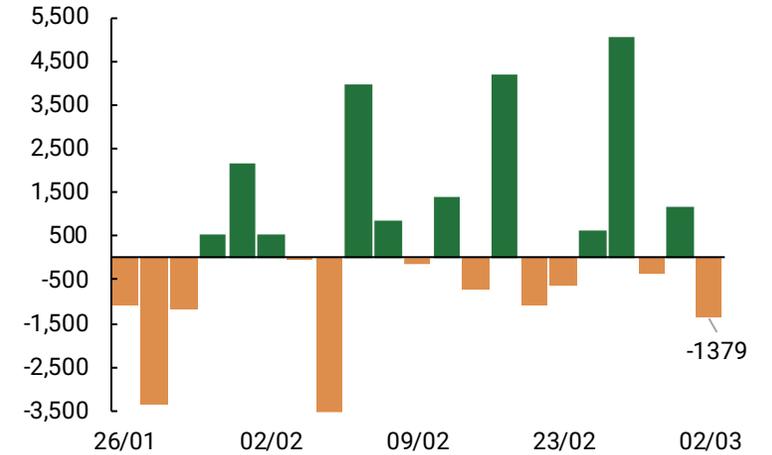
Khối lượng mở (Open interest)



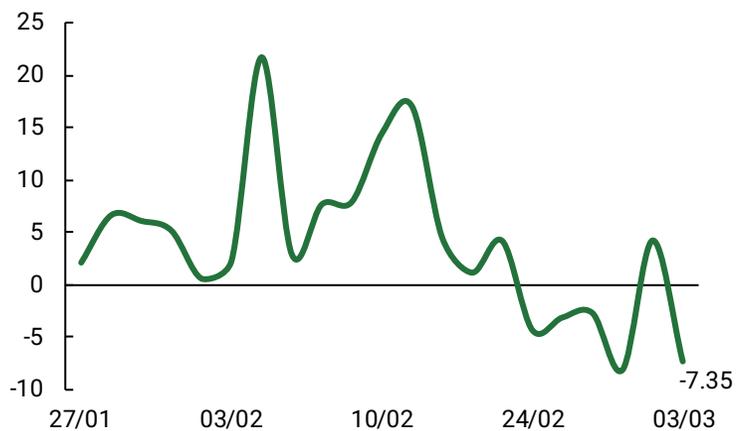
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



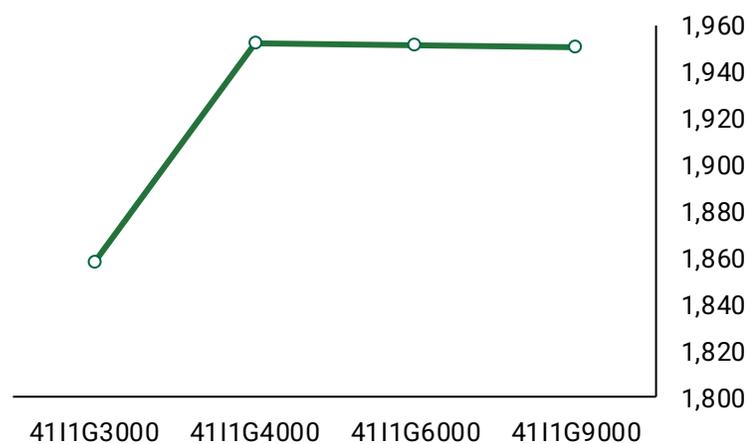
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



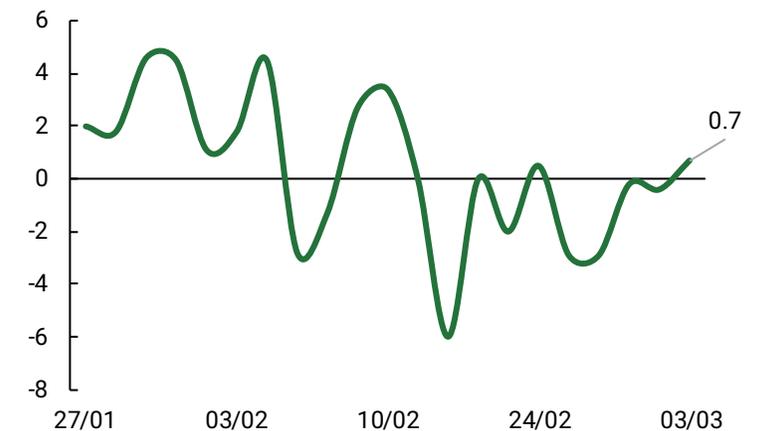
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	62,700	73,400	17.1%	Tăng tỷ trọng
CTG	35,900	45,200	25.9%	Mua
CTD	86,300	87,050	0.9%	Nắm giữ
CTI	25,200	27,200	7.9%	Nắm giữ
DBD	54,400	68,000	25.0%	Mua
DDV	33,695	35,900	6.5%	Nắm giữ
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	45,950	48,300	5.1%	Nắm giữ
DPG	43,600	53,100	21.8%	Mua
DPR	47,500	46,500	-2.1%	Giảm tỷ trọng
DRI	15,955	17,200	7.8%	Nắm giữ
EVF	13,850	14,400	4.0%	Nắm giữ
FRT	165,000	157,600	-4.5%	Giảm tỷ trọng
GMD	81,500	77,000	-5.5%	Giảm tỷ trọng
HAH	71,000	67,600	-4.8%	Giảm tỷ trọng
HDG	27,350	34,500	26.1%	Mua
HHV	12,050	12,300	2.1%	Nắm giữ
HPG	27,700	34,300	23.8%	Mua
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,300	38,800	42.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	38,500	43,100	11.9%	Tăng tỷ trọng
MWG	88,200	99,600	12.9%	Tăng tỷ trọng
NLG	25,950	39,900	53.8%	Mua
NT2	28,800	27,700	-3.8%	Giảm tỷ trọng
PHR	69,000	72,800	5.5%	Nắm giữ
PNJ	122,000	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	54,600	39,900	-26.9%	Bán
PVT	27,450	18,900	-31.1%	Bán
SAB	46,000	57,900	25.9%	Mua
SSI	32,600	39,200	20.2%	Mua
TLG	53,500	53,400	-0.2%	Giảm tỷ trọng
TCB	33,600	35,650	6.1%	Nắm giữ
TCM	26,200	37,900	44.7%	Mua
TRC	80,000	94,800	18.5%	Tăng tỷ trọng
VCB	61,600	84,200	36.7%	Mua
VPB	27,450	37,000	34.8%	Mua
VCG	18,950	26,200	38.3%	Mua
VHC	62,800	60,000	-4.5%	Giảm tỷ trọng
VNM	63,400	66,650	5.1%	Nắm giữ
VSC	27,500	17,900	-34.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/03 Vietnam & US – PMI Index
- 06/03 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 09/03 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/03 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 11/03 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 13/03 Mỹ - Chỉ số PCE, ước tính GDP lần đầu
- 13/03 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục mới
- 18/03 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- 19/03 Mỹ - FED quyết định lãi suất
- 19/03 EU - ECB quyết định lãi suất
- 19/03 Nhật Bản – BOJ quyết định lãi suất
- 19/03 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 20/03 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan FTSE ETF & VNM ETF hoàn tất cơ cấu danh mục
- 31/03 Mỹ - Cơ hội việc làm và chỉ số niềm tin tiêu dùng

Lãi suất qua đêm vọt lên 11.1%: Trong ngày 02/03, lãi suất liên ngân hàng bất ngờ quay đầu tăng sốc, kỳ hạn qua đêm vọt lên 11.1%/năm. Các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống cũng ghi nhận mức tăng mạnh. Ngay lập tức, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm ròng gần 35,000 tỷ đồng để hỗ trợ thanh khoản hệ thống.

Nhiều cơ sở sản xuất dầu khí ở Trung Đông phải tạm dừng hoạt động: Làn sóng tấn công tại Trung Đông bước sang ngày thứ ba đã khiến hoạt động nhiều nhà máy sản xuất dầu khí bị ảnh hưởng và tạm dừng hoạt động. Qatar đã dừng sản xuất khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) vào thứ Hai, trong bối cảnh Iran tiếp tục tấn công các quốc gia vùng Vịnh để đáp trả các cuộc không kích của Israel và Mỹ nhằm vào nước này.

Chi phí vận chuyển dầu tại Trung Đông cao kỷ lục: Chi phí thuê siêu tàu chở dầu vận chuyển dầu thô từ Trung Đông sang Trung Quốc đã tăng vọt lên mức cao kỷ lục hơn 400.000 USD/ngày trong bối cảnh xung đột Mỹ–Iran leo thang, khi Tehran nhắm mục tiêu vào các tàu đi qua eo biển Hormuz, theo dữ liệu từ LSEG.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

GAS - PV Gas bị đứt gãy nguồn hàng vì xung đột Trung Đông: Công ty thành viên của PV Gas thông báo buộc phải giảm tiến độ giao hàng nhập khẩu đến ngày 10/3, đồng thời chưa có khả năng thể thu xếp giao hàng từ nguồn nhập khẩu từ sau 10/3. Tình huống phát sinh từ phía nhà cung cấp quốc tế do sự cố sập cầu dẫn tại cơ sở NGL Juaymah của Saudi Aramco hôm 23/2, làm gián đoạn việc cung cấp các lô hàng LPG. Thêm vào đó, xung đột vũ trang tại Trung Đông ảnh hưởng đến hành trình tàu chở LPG lạnh qua eo biển Hormuz.

TCM báo lãi tháng 1/2026 giảm 13% dù doanh thu đi lên: CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công vừa công bố kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Mẹ tháng 1/2026 với doanh thu đạt 365.6 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lãi sau thuế giảm 13%, còn 22.6 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu dệt may trong tháng đến từ 3 mảng chính, trong đó sản phẩm may chiếm 75.8%, vải chiếm 16.2% và sợi chiếm 7.6% tổng doanh thu.

FMC - Doanh thu Sao Ta giảm gần 50% trong tháng 2: CTCP Thực phẩm Sao Ta (Fimex) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 2 với doanh thu đạt 10.85 triệu USD, giảm 48% so với cùng kỳ năm trước. Theo báo cáo, trong tháng, sản lượng tôm thành phẩm sản xuất đạt 898 tấn, giảm 53% so với cùng kỳ. Sản lượng tiêu thụ đạt 951 tấn, thấp hơn 47% so với tháng 2/2025. Doanh nghiệp cho biết kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm nay kéo dài và rơi vào tháng 2/2026, do đó ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong kỳ.

SHB được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 53,442 tỷ đồng: Vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã có văn bản chấp thuận về việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội tăng vốn điều lệ lên tối đa 53,442 tỷ đồng theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/11/2025.

DXG - Đất Xanh nhận chuyển nhượng dự án 8.6ha ở Dĩ An: Thông qua việc nhận chuyển nhượng dự án 8.6ha tại phường Dĩ An, TPHCM, Đất Xanh đang chuẩn bị nguồn hàng hơn 3.8 ngàn căn hộ tại đây cho giai đoạn 2026-2027.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415